

Số: 2258 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 26/12/2021 đến 16h00 ngày 27/12/2021)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay gần 280,3 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong.

Ngày 26/12, Singapore thông báo dỡ bỏ lệnh cấm nhập cảnh hoặc quá cảnh đối với du khách từ 10 nước châu Phi gồm Botswana, Eswatini, Ghana, Lesotho, Malawi, Mozambique, Namibia, Nigeria, Nam Phi và Zimbabwe. Du khách phải làm xét nghiệm PCR trong vòng 2 ngày trước khi khởi hành đến Singapore, cũng như xét nghiệm PCR thêm lần nữa khi đến nơi. Những du khách này còn phải trải qua quá trình cách ly 10 ngày tại một cơ sở được chỉ định, và sẽ được xét nghiệm PCR lần 3 sau thời gian cách ly.

Theo các số liệu của Trung tâm nghiên cứu và kiểm toán hồi sức tích cực Anh (ICNARC), trong giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 11, tỉ lệ nằm phòng ICU ở những người mắc COVID-19 trong độ tuổi 60 đã tiêm 2 mũi vaccine chỉ là 0,6%/100.000 người/tuần trong khi tỉ lệ này ở những người trong độ tuổi tương tự và chưa tiêm vaccine là 37,3%/100.000 người/tuần, tức là mức độ rủi ro cao khoảng 60 lần so với người đã tiêm vaccine. Trong khi đó, tỉ lệ nằm phòng ICU/tuần ở người độ tuổi 50 và 70 mà chưa tiêm phòng cao gấp 30 lần so với những người cùng lứa tuổi nhưng đã tiêm phòng. Tỉ lệ này giảm xuống ở nhóm tuổi trẻ hơn, song những người ở độ tuổi 30 và 40 chưa tiêm phòng có nguy cơ phải chăm sóc tích cực cao gấp 10-15 lần so với người đã tiêm phòng.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 27/12/2021, cả nước ghi nhận 1.666.545 ca mắc, trong đó 1.662.470 ca trong nước. Đến nay đã có 1.259.614 người khỏi bệnh, 31.214 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.663.693 ca, trong đó có 1.660.900 ca trong nước (99,8%), 1.256.797 người đã khỏi bệnh (75,5%), 31.179 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.872 ca mắc mới, trong đó 14.867 ca ghi nhận trong nước (giảm 315 ca so với ngày trước đó) tại 59 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (1.948), Tây Ninh (943), Hải Phòng (931), Vĩnh Long (892), Khánh Hòa (791), Cần Thơ (711), Đồng Tháp (701), Bạc Liêu (595), Hồ Chí Minh (560), Trà Vinh (544), Bình Định (501), Cà Mau (433), Thừa Thiên Huế (381), Bắc Ninh (326), Bến Tre (281), Lâm Đồng (263), Thanh Hóa (249), Hưng Yên (234), Sóc Trăng (223), Đồng Nai (216), An Giang (213), Kiên Giang (204),

Quảng Ngãi (201), Bà Rịa - Vũng Tàu (162), Bình Thuận (140), Gia Lai (136), Đắk Lắk (134), Tiền Giang (134), Sơn La (126), Hà Giang (122), Phú Yên (112), Quảng Ninh (103), Đắk Nông (98), Hà Nam (98), Quảng Nam (96), Nghệ An (93), Đà Nẵng (86), Vĩnh Phúc (85), Nam Định (78), Bình Dương (77), Hậu Giang (63), Thái Nguyên (59), Ninh Thuận (56), Quảng Trị (53), Phú Thọ (50), Hòa Bình (45), Long An (45), Thái Bình (42), Bắc Giang (40), Bình Phước (30), Tuyên Quang (28), Kon Tum (24), Cao Bằng (22), Yên Bái (21), Lào Cai (19), Hà Tĩnh (18), Quảng Bình (14), Điện Biên (9), Lai Châu (8).

+ Có 5 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hà Tĩnh (2), Điện Biên (1), Quảng Nam (1), Hồ Chí Minh (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.948 ca mắc, trong đó 124 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.470 ca tầm soát trong cộng đồng, 186 ca trong khu cách ly và 168 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (1.948 ca) được phân bố tại 28 quận, huyện như sau: Hoàng Mai 301, Đống Đa 168, Thanh Trì 147, Nam Từ Liêm 125, Thanh Xuân 124, Bắc Từ Liêm 111, Thường Tín 107, Gia Lâm 99, Ba Đình 98, Đông Anh 81, Cầu Giấy 69, Long Biên 60, Đan Phượng 55, Sóc Sơn 48, Chương Mỹ 45, Hoàn Kiếm 43, Mê Linh 43, Hoài Đức 40, Tây Hồ 36, Ứng Hòa 32, Hai Bà Trưng 18, Mỹ Đức 18, Thạch Thất 18, Thanh Oai 17, Hà Đông 12, Phúc Thọ 11, Sơn Tây 10, Quốc Oai 10 và 2 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Bình Định (giảm 299), Bình Dương (giảm 153), Bến Tre (giảm 149).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Hải Phòng (tăng 664), Phú Yên (tăng 110), Bạc Liêu (tăng 106).

- Có 1/63 tỉnh (Bắc Kạn) không có lây nhiễm thứ phát trên địa bàn trong 14 ngày qua.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 10.418 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 70,1% tổng số mắc trong ngày), tăng 783 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.594 ca cộng đồng (tăng 353 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 38.372 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 64 ca cộng đồng (giảm 15 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 10.535 ca.

+ Tỉnh Tiền Giang: Trong ngày ghi nhận 6 ca cộng đồng (giảm 16 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 32.868 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 91 ca cộng đồng (tăng 28 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 29.065 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 4.543 ca, Vĩnh Long tăng 1.527 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bến Tre (giảm 3.558 ca), Bình Phước (giảm 2.097 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.949 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.256.797 người đã khỏi bệnh (75,5%), tăng 11.374 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 375.717 trường hợp, trong đó có 7.636 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 5.378; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 1.178; (3) Thở máy không xâm lấn: 156; (4) Thở máy xâm lấn: 905; (5) EMO: 19.

Trong ngày 26/12, ghi nhận 207 trường hợp tử vong (giảm 34 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (36) trong đó có 4 ca tử các tỉnh chuyển đến như sau: An Giang (1), Bến Tre (1), Tây Ninh (1), Đồng Nai (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (24), Tiền Giang (16), Tây Ninh (15), Đồng Nai (15), Vĩnh Long (13), Đồng Tháp (12), Kiên Giang (12), Bình Dương (9), Sóc Trăng (8), Bến Tre (7), Cà Mau (7), Cần Thơ (6), Trà Vinh (5), Bình Định (4), Bình Thuận (4), Hà Nội (3), Long An (3), Khánh Hoà (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Lạng Sơn (1), Quảng Ngãi (1), Phú Yên (1), Bạc Liêu (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tổ chức buổi Mít tinh hưởng ứng ngày quốc tế phòng chống dịch bệnh với chủ đề “Tăng cường quản lý nhóm nguy cơ”.

- Tham dự cuộc họp về công tác thực hiện Kế hoạch nối lại các chuyến bay thương mại quốc tế thường lệ chờ khách đến và đi từ Việt Nam.

- Bộ Y tế tiếp tục chỉ đạo các địa phương khẩn trương đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 cho người dân trong độ tuổi chỉ định; đảm bảo tiêm chủng an toàn theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế, đặc biệt lưu ý và ưu tiên tiêm chủng cho đối tượng là người từ 50 tuổi trở lên, người mắc bệnh nền.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 26/12/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 35.550.240 mẫu cho 77.734.955 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 29.774.326 mẫu tương đương 73.987.016 lượt người, tăng 104.742 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.652.059 mẫu gộp cho 47.048.320 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 26/12/2021, Việt Nam đã tiếp nhận 183.100.198 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 67.972.320 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 48.761.200 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 91.125.950 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 35.725.950/51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.
- Nguồn viện trợ COVAX: 43.187.270 liều
- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 21.903.580 liều
- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm).

Trong tổng số 183,1 triệu liều vắc xin vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 110 đợt với tổng số 166,8 triệu liều, còn khoảng 16,3 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 26/12/2021, cả nước đã tiêm được 146.335.052 liều (trong ngày tiêm được 725.301 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 88% số vắc xin phân bổ 110 đợt.

Các địa phương, đơn vị đang nỗ lực triển khai tiêm chủng để đạt được độ bao phủ mũi 1 cho những đối tượng trong độ tuổi chỉ định tiêm chủng trong năm 2021, trả mũi 2 cho những người đã tiêm mũi 1 đủ thời gian và bắt đầu triển khai tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 135.006.500 liều, trong đó có 69.767.686 mũi 1; 62.444.434 mũi 2; 1.155.951 mũi 3 (đối với vắc xin Abdala); 558.924 liều bổ sung và 1.079.505 liều nhắc lại . Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 98,8% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 88,5% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 95,5% và 84,9%; miền Trung là 96,5% và 87,3%; Tây Nguyên là 91,6% và 75,5 %; miền Nam là 100% và 92,1%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 36/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%

+ 15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%

+ 12/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ dưới 90%, trong đó 05 tỉnh có tỷ lệ bao phủ thấp nhất là Hưng Yên (83,7%), Quảng Bình (85,2%), Kon Tum (85,6%), Cao Bằng (86,7%) và Lạng Sơn (87,0%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 27/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%

+ 18/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;

+ 18/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ bao phủ thấp nhất là Sơn La (62,2%), Thái Nguyên (66,2%), Gia Lai (67,7%), Bắc Cạn (72,4%) và Hải Dương (73,9%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm được 11.328.552 liều, trong đó có 7.370.930 mũi 1 và 3.957.622 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 81,0% và tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin là 43,5% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 75,6% và 30,4%; miền Trung là 70,3% và 27,1%; Tây Nguyên là 80,9% và 8,1%; Miền Nam là 91,3% và 70,9%.

Các tỉnh, thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nam, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 26/12/2021, cả nước đã truy vết được 1.202.790 trường hợp F1, trong đó có 986.447 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Nhận định

Số ca mắc cộng đồng (trung bình 10.300 ca/ngày) và tử vong (trung bình 235 ca/ngày) trong tuần qua. Trong thời gian tới các tỉnh, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, nhất là trong điều kiện thời tiết chuyển biến thuận lợi cho sự phát triển, lây lan của vi rút, năm mới, mùa lễ hội nhu cầu đi lại gia tăng. Biến chủng Omicron khi lan rộng trên thế giới thì có thể sẽ xâm nhập vào nước ta.

X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Tuyệt đối không lơ là, chủ quan, bám sát tình hình, sớm phát hiện các chủng

mới xâm nhập vào Việt Nam; tăng cường các biện pháp giám sát, truy vết, điều tra, xử lý ổ dịch.

2. Thực hiện quản lý chặt chẽ nhóm nguy cơ cao trên địa bàn:

- Tổ chức rà soát, lập danh sách, thống kê tất cả những người thuộc nhóm nguy cơ cao, hộ gia đình có người thuộc nhóm nguy cơ, tình trạng bệnh nền đang được điều trị, tình trạng sức khỏe, nhu cầu hỗ trợ (chăm sóc, điều trị bệnh nền, thuốc, nhu cầu khác).

- Khẩn trương chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêm chủng an toàn, nhanh nhất có thể theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; không để sót ai thuộc nhóm có nguy cơ cao mà không được tiêm chủng đầy đủ. Bộ Y tế đảm bảo phân bổ đủ vắc xin cho các địa phương.

- Tổ chức tiêm vét vắc xin, thành lập các tổ tiêm vắc xin đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người thuộc nhóm nguy cơ, thực hiện tiêm vắc xin phòng COVID-19 lưu động ngay tại nhà, bảo đảm không bỏ sót người thuộc nhóm nguy cơ, người sống chung, người cùng gia đình, đặc biệt là những người không di chuyển được.

- Tổ chức các biện pháp phát hiện sớm người mắc bệnh không lây nhiễm để quản lý điều trị kịp thời. Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho người thuộc nhóm nguy cơ và người sống cùng gia đình. Tổ chức chăm sóc và điều trị người mắc thuộc nhóm nguy cơ cao theo dõi sức khỏe, xử trí và điều trị ngay khi phát hiện mắc COVID-19. Thực hiện cách ly, theo dõi tại nhà hay tại cơ sở điều trị theo tình trạng, mức độ bệnh, điều kiện chăm sóc, điều trị tại nhà; có sự hỗ trợ, giám sát chặt chẽ của cán bộ y tế.

3. Khẩn trương chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêm chủng an toàn, nhanh nhất có thể, thực hiện tiêm vắc xin phòng COVID-19 lưu động ngay tại nhà, không để sót, đặc biệt người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; đến ngày 31/12/2021 phải hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 01/2022, mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong Quý I/2022.

4. Truyền thông nâng cao ý thức người dân Thực hiện triệt để 5K, truyền thông thống nhất nhận thức thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là vào dịp Tết Dương lịch và tết Nguyên đán; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

5. Quản lý, chăm sóc F0 tại nhà, người dân phải được tiếp cận y tế từ sớm, từ xa; đánh giá, phân loại nguy cơ và theo dõi sát người bệnh ngay từ khi nhập viện; chủ động sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy cho các bệnh viện, cơ sở y tế.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 26/12 | Số mắc ngày 27/12 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 27/12 | Số tử vong tích lũy đến 26/12 |
|-------------------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: | | 15.179 | 14.867 | -312 | 1.660.649 | 31.179 |
| 1 | Hồ Chí Minh | 544 | 560 | 16 | 500.617 | 19.695 |
| 2 | Bình Dương | 230 | 77 | -153 | 290.240 | 3.140 |
| 3 | Đồng Nai | 206 | 216 | 10 | 97.043 | 1.269 |
| 4 | Tây Ninh | 928 | 943 | 15 | 71.537 | 585 |
| 5 | Đồng Tháp | 781 | 701 | -80 | 41.816 | 509 |
| 6 | Long An | 68 | 45 | -23 | 40.128 | 801 |
| 7 | Cần Thơ | 715 | 711 | -4 | 39.388 | 530 |
| 8 | Hà Nội | 1910 | 1.948 | 38 | 38.372 | 98 |
| 9 | Tiền Giang | 129 | 134 | 5 | 32.868 | 864 |
| 10 | Cà Mau | 579 | 433 | -146 | 32.490 | 132 |
| 11 | An Giang | 252 | 213 | -39 | 31.540 | 878 |
| 12 | Khánh Hòa | 763 | 791 | 28 | 29.835 | 155 |
| 13 | Sóc Trăng | 281 | 223 | -58 | 29.134 | 283 |
| 14 | Kiên Giang | 230 | 204 | -26 | 29.065 | 475 |
| 15 | Vĩnh Long | 889 | 892 | 3 | 28.622 | 275 |
| 16 | Bạc Liêu | 489 | 595 | 106 | 27.553 | 230 |
| 17 | BRVT | 155 | 162 | 7 | 25.936 | 136 |
| 18 | Bến Tre | 430 | 281 | -149 | 25.083 | 158 |
| 19 | Bình Thuận | 164 | 140 | -24 | 24.961 | 265 |
| 20 | Bình Phước | 40 | 30 | -10 | 20.226 | 50 |
| 21 | Trà Vinh | 572 | 544 | -28 | 19.202 | 110 |
| 22 | Bình Định | 800 | 501 | -299 | 13.837 | 52 |
| 23 | Hậu Giang | 42 | 63 | 21 | 12.139 | 36 |
| 24 | T.T.Huế | 375 | 381 | 6 | 11.734 | 12 |
| 25 | Đắc Lắc | 270 | 134 | -136 | 11.009 | 60 |
| 26 | Đà Nẵng | 116 | 86 | -30 | 10.535 | 77 |
| 27 | Bắc Ninh | 267 | 326 | 59 | 10.208 | 16 |
| 28 | Lâm Đồng | 253 | 263 | 10 | 7.988 | 22 |
| 29 | Bắc Giang | 40 | 40 | 0 | 7.615 | 14 |
| 30 | Nghệ An | 159 | 93 | -66 | 7.368 | 33 |
| 31 | Thanh Hóa | 341 | 249 | -92 | 7.125 | 11 |
| 32 | Hà Giang | 120 | 122 | 2 | 6.746 | 6 |
| 33 | Hải Phòng | 267 | 931 | 664 | 6.568 | 7 |
| 34 | Gia Lai | 113 | 136 | 23 | 6.580 | 15 |
| 35 | Phú Yên | 2 | 112 | 110 | 6.290 | 43 |
| 36 | Ninh Thuận | 39 | 56 | 17 | 5.548 | 51 |
| 37 | Quảng Nam | 137 | 96 | -41 | 5.352 | 14 |
| 38 | Quảng Ngãi | 126 | 201 | 75 | 5.225 | 23 |
| 39 | Đắc Nông | 79 | 98 | 19 | 4.644 | 12 |
| 40 | Hưng Yên | 238 | 234 | -4 | 4.271 | 2 |
| 41 | Quảng Bình | 66 | 14 | -52 | 3.500 | 7 |
| 42 | Nam Định | 96 | 78 | -18 | 3.051 | 1 |
| 43 | Phú Thọ | 52 | 50 | -2 | 2.838 | 3 |
| 44 | Vĩnh Phúc | 104 | 85 | -19 | 2.661 | 6 |
| 45 | Quảng Ninh | 120 | 103 | -17 | 2.649 | 1 |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 26/12 | Số mắc ngày 27/12 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 27/12 | Số tử vong tích lũy đến 26/12 |
|---------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| 46 | Thái Bình | 57 | 42 | -15 | 2.448 | |
| 47 | Hải Dương | 108 | - | -108 | 2.219 | 1 |
| 48 | Hà Nam | 79 | 98 | 19 | 2.091 | |
| 49 | Quảng Trị | 35 | 53 | 18 | 1.900 | 2 |
| 50 | Thái Nguyên | 27 | 59 | 32 | 1.595 | |
| 51 | Hà Tĩnh | 15 | 18 | 3 | 1.511 | 5 |
| 52 | Lạng Sơn | 35 | - | -35 | 1.421 | 5 |
| 53 | Hòa Bình | 26 | 45 | 19 | 1.245 | 3 |
| 54 | Tuyên Quang | 6 | 28 | 22 | 957 | |
| 55 | Kon Tum | 137 | 24 | -113 | 832 | |
| 56 | Sơn La | 19 | 126 | 107 | 904 | |
| 57 | Điện Biên | 4 | 9 | 5 | 547 | |
| 58 | Yên Bái | 15 | 21 | 6 | 489 | |
| 59 | Ninh Bình | | | | 434 | |
| 60 | Lào Cai | 7 | 19 | 12 | 428 | |
| 61 | Cao Bằng | 24 | 22 | -2 | 407 | 1 |
| 62 | Lai Châu | 8 | 8 | 0 | 84 | |
| 14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương: | | 3 | 0 | -3 | 49 | 0 |
| 1 | Bắc Kạn | 3 | 0 | -3 | 49 | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVND TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 15.182 | 14.867 | -315 | 1.660.900 | 31.179 |

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 26/12/2021)

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bố 110 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 110 đợt |
|----|-------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 1 | Hà Nội | 14.697.152 | 6.115.908 | 5.802.059 | 0 | 116.628 | 60.739 | 674.907 | 342.328 | 13.112.569 | 89,2% |
| 2 | Hải Phòng | 3.324.540 | 1.641.420 | 1.411.406 | 0 | 2 | 920 | 147.805 | 25.028 | 3.226.581 | 97,1% |
| 3 | Thái Bình | 2.474.610 | 1.139.894 | 933.035 | 87.680 | 19.326 | 32.238 | 144.029 | 77.090 | 2.433.292 | 98,3% |
| 4 | Nam Định | 2.515.510 | 1.126.173 | 1.010.474 | 0 | 0 | 442 | 53.469 | 1 | 2.190.559 | 87,1% |
| 5 | Hà Nam | 1.389.710 | 575.633 | 560.441 | 0 | 0 | 6 | 70.757 | 66.887 | 1.273.724 | 91,7% |
| 6 | Ninh Bình | 1.361.940 | 590.007 | 575.729 | 0 | 0 | 0 | 82.166 | 43.414 | 1.291.316 | 94,8% |
| 7 | Thanh Hoá | 6.029.290 | 2.386.729 | 2.150.181 | 168.432 | 0 | 0 | 244.562 | 2.414 | 4.952.318 | 82,1% |
| 8 | Bắc Giang | 2.839.270 | 1.271.301 | 1.118.956 | 0 | 40.310 | 30.780 | 142.494 | 71.943 | 2.675.784 | 94,2% |
| 9 | Bắc Ninh | 2.335.630 | 1.108.594 | 1.041.503 | 0 | 7.747 | 1.074 | 113.217 | 77.679 | 2.349.814 | 100,6% |
| 10 | Phú Thọ | 1.957.220 | 962.265 | 851.072 | 0 | 0 | 0 | 124.194 | 4.531 | 1.942.062 | 99,2% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 1.829.980 | 784.254 | 693.192 | 0 | 0 | 0 | 56.306 | 267 | 1.534.019 | 83,8% |
| 12 | Hải Dương | 2.871.710 | 1.202.833 | 969.762 | 0 | 0 | 29.182 | 64.341 | 16 | 2.266.134 | 78,9% |
| 13 | Hưng Yên | 1.915.892 | 811.041 | 764.245 | 0 | 0 | 1.408 | 105.335 | 75.515 | 1.757.544 | 91,7% |
| 14 | Thái Nguyên | 1.995.470 | 873.037 | 621.414 | 5.791 | 0 | 0 | 39.294 | 1 | 1.539.537 | 77,2% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 110 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 110 đợt |
|----------------------|----------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| 15 | Bắc Cạn | 483.650 | 205.611 | 161.090 | 0 | 0 | 0 | 19.417 | 2.021 | 388.139 | 80,3% |
| 16 | Quảng Ninh | 2.378.848 | 971.848 | 916.788 | 0 | 0 | 0 | 119.421 | 110.336 | 2.118.393 | 89,1% |
| 17 | Hoà Bình | 1.281.820 | 523.407 | 448.884 | 0 | 0 | 0 | 73.751 | 29.506 | 1.075.548 | 83,9% |
| 18 | Nghệ An | 4.911.590 | 1.926.769 | 1.764.751 | 421.763 | 21.240 | 125.506 | 281.138 | 8.218 | 4.549.385 | 92,6% |
| 19 | Hà Tĩnh | 1.962.370 | 793.956 | 662.040 | 0 | 69.999 | 63.072 | 109.982 | 28.912 | 1.727.961 | 88,1% |
| 20 | Lai Châu | 642.550 | 250.997 | 236.353 | 0 | 0 | 0 | 49.792 | 40.095 | 577.237 | 89,8% |
| 21 | Lạng Sơn | 1.250.530 | 485.437 | 472.008 | 0 | 0 | 1.675 | 65.254 | 60.919 | 1.085.293 | 86,8% |
| 22 | Tuyên Quang | 1.253.120 | 542.438 | 437.067 | 0 | 0 | 3.512 | 1.323 | 23.197 | 1.007.537 | 80,4% |
| 23 | Hà Giang | 1.376.130 | 470.734 | 404.968 | 0 | 0 | 2.158 | 79.593 | 23.256 | 980.709 | 71,3% |
| 24 | Cao Bằng | 734.420 | 319.926 | 276.045 | 0 | 230 | 7.038 | 41.668 | 34.597 | 679.504 | 92,5% |
| 25 | Yên Bái | 1.243.360 | 496.752 | 476.103 | 0 | 0 | 0 | 76.206 | 50.646 | 1.099.707 | 88,4% |
| 26 | Lào Cai | 1.180.500 | 497.747 | 408.122 | 0 | 0 | 0 | 22.924 | 52.810 | 981.603 | 83,2% |
| 27 | Sơn La | 1.532.450 | 757.147 | 492.883 | 506 | 0 | 10.214 | 66.904 | 4.225 | 1.331.879 | 86,9% |
| 28 | Điện Biên | 819.300 | 326.471 | 266.092 | 0 | 0 | 0 | 57.119 | 1.334 | 651.016 | 79,5% |
| Cộng miền Bắc | | 68.588.562 | 29.158.329 | 25.926.663 | 684.172 | 275.482 | 369.964 | 3.127.368 | 1.257.186 | 60.799.164 | 88,6% |
| 29 | Quảng Bình | 1.180.290 | 521.469 | 484.673 | 0 | 0 | 0 | 58.137 | 7.782 | 1.072.061 | 90,8% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bố 110 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 110 đợt |
|----------------------------|----------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| 30 | Quảng Trị | 1.000.852 | 423.029 | 392.963 | 7.982 | 3.894 | 0 | 26.615 | 895 | 855.378 | 85,5% |
| 31 | TT- Huế | 1.883.016 | 768.736 | 711.387 | 0 | 0 | 871 | 99.798 | 30.678 | 1.611.470 | 85,6% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 1.877.762 | 857.930 | 830.190 | 0 | 467 | 0 | 99.869 | 96.182 | 1.884.638 | 100,4% |
| 33 | Quảng Nam | 2.595.070 | 1.021.663 | 933.698 | 27.176 | 0 | 0 | 89.301 | 87 | 2.071.925 | 79,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 1.882.174 | 823.356 | 738.161 | 0 | 0 | 0 | 70.916 | 519 | 1.632.952 | 86,8% |
| 35 | Bình Định | 2.441.990 | 1.026.267 | 857.103 | 18.078 | 0 | 81 | 68.076 | 8 | 1.969.613 | 80,7% |
| 36 | Phú Yên | 1.391.084 | 612.479 | 554.295 | 0 | 0 | 0 | 77.560 | 4.924 | 1.249.258 | 89,8% |
| 37 | Khánh Hòa | 2.209.320 | 952.480 | 906.598 | 0 | 5.975 | 7.578 | 112.889 | 101.621 | 2.087.141 | 94,5% |
| 38 | Ninh Thuận | 1.047.280 | 427.191 | 384.001 | 0 | 5.249 | 8.046 | 57.657 | 47.581 | 929.725 | 88,8% |
| 39 | Bình Thuận | 2.182.240 | 906.574 | 754.430 | 0 | 0 | 0 | 40.524 | 19.361 | 1.720.889 | 78,9% |
| Cộng miền Trung | | 19.691.078 | 8.341.174 | 7.547.499 | 53.236 | 15.585 | 16.576 | 801.342 | 309.638 | 17.085.050 | 86,8% |
| 40 | Kon Tum | 784.520 | 318.813 | 279.064 | 934 | 0 | 0 | 47.874 | 2.585 | 649.270 | 82,8% |
| 41 | Gia Lai | 2.297.542 | 896.017 | 647.211 | 37.859 | 0 | 782 | 141.274 | 9.983 | 1.733.126 | 75,4% |
| 42 | Đắk Lắk | 2.846.390 | 1.222.864 | 1.023.424 | 0 | 0 | 0 | 161.293 | 323 | 2.407.904 | 84,6% |
| 43 | Đắk Nông | 960.510 | 399.840 | 387.578 | 0 | 0 | 0 | 66.913 | 28.713 | 883.044 | 91,9% |
| Cộng Tây | | 6.888.962 | 2.837.534 | 2.337.277 | 38.793 | 0 | 782 | 417.354 | 41.604 | 5.673.344 | 82,4% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bố 110 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 110 đợt |
|---------------|------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| Nguyên | | | | | | | | | | | |
| 44 | TP. HCM | 16.655.560 | 7.373.247 | 6.498.308 | 0 | 133.685 | 312.199 | 675.804 | 619.983 | 15.613.226 | 93,7% |
| 45 | BR-VT | 2.266.560 | 959.975 | 859.019 | 0 | 0 | 0 | 108.355 | 47.047 | 1.974.396 | 87,1% |
| 46 | Đồng Nai | 5.570.830 | 2.710.397 | 2.309.642 | 0 | 0 | 11.988 | 175.362 | 122.583 | 5.329.972 | 95,7% |
| 47 | Tiền Giang | 3.368.440 | 1.301.866 | 1.241.285 | 134.699 | 12.827 | 11.962 | 153.888 | 140.329 | 2.996.856 | 89,0% |
| 48 | Long An | 3.397.150 | 1.489.033 | 1.423.301 | 0 | 387 | 0 | 163.748 | 120.855 | 3.197.324 | 94,1% |
| 49 | Lâm Đồng | 2.312.724 | 966.579 | 925.331 | 0 | 1.357 | 26.988 | 132.132 | 102.612 | 2.154.999 | 93,2% |
| 50 | Tây Ninh | 2.331.730 | 864.733 | 802.866 | 10.161 | 0 | 68.642 | 87.468 | 82.497 | 1.916.367 | 82,2% |
| 51 | Cần Thơ | 2.372.318 | 916.198 | 956.251 | 5.679 | 0 | 0 | 104.007 | 40.241 | 2.022.376 | 85,2% |
| 52 | Sóc Trăng | 2.387.230 | 887.380 | 774.990 | 0 | 0 | 0 | 109.271 | 78.429 | 1.850.070 | 77,5% |
| 53 | An Giang | 3.527.952 | 1.348.638 | 1.319.580 | 179.411 | 51.794 | 23.059 | 194.565 | 143.759 | 3.260.806 | 92,4% |
| 54 | Bến Tre | 2.401.320 | 986.030 | 931.995 | 0 | 34.060 | 89.116 | 105.542 | 84.803 | 2.231.546 | 92,9% |
| 55 | Trà Vinh | 1.699.560 | 787.383 | 576.883 | 0 | 0 | 0 | 85.371 | 78.647 | 1.528.284 | 89,9% |
| 56 | Vĩnh Long | 1.965.280 | 766.287 | 733.491 | 0 | 12.587 | 49.805 | 91.047 | 86.162 | 1.739.379 | 88,5% |
| 57 | Đồng Tháp | 3.124.420 | 1.235.281 | 1.159.593 | 148 | 1.241 | 12.233 | 142.544 | 103.016 | 2.654.056 | 84,9% |
| 58 | Bình Dương | 5.405.000 | 2.379.843 | 1.878.323 | 0 | 0 | 31.352 | 175.857 | 131.977 | 4.597.352 | 85,1% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 110 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 110 đợt |
|----------------------|------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| 59 | Bình Phước | 1.849.520 | 748.598 | 714.913 | 0 | 0 | 0 | 106.828 | 29.773 | 1.600.112 | 86,5% |
| 60 | Kiên Giang | 3.306.150 | 1.225.185 | 1.106.859 | 49.652 | 0 | 0 | 137.974 | 73.734 | 2.593.404 | 78,4% |
| 61 | Cà Mau | 1.989.220 | 759.971 | 827.655 | 0 | 0 | 0 | 113.123 | 111.736 | 1.812.485 | 91,1% |
| 62 | Bạc Liêu | 1.573.480 | 563.473 | 545.489 | 0 | 19.919 | 43.624 | 87.938 | 82.314 | 1.342.757 | 85,3% |
| 63 | Hậu Giang | 1.316.390 | 529.829 | 493.192 | 0 | 0 | 0 | 74.042 | 68.697 | 1.165.760 | 88,6% |
| Cộng miền Nam | | 68.820.834 | 28.799.926 | 26.078.966 | 379.750 | 267.857 | 680.968 | 3.024.866 | 2.349.194 | 61.581.527 | 89,5% |

Ghi chú:

- 12,3 triệu liều vắc xin đợt 105-110 mới có Quyết định phân bổ ngày 20-21/12/2021, các địa phương, đơn vị mới tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 56.390 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.296.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.101.416 liều, trong đó có 574.560 mũi 1, 517.009 mũi 2 và 9.847 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,13 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều (315.600 liều vắc xin Pfizer được phân bổ ngày 21/12/2021), đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 94.551 liều, trong đó có 56.163 mũi 1, 37.020 mũi 2 và 1.368 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 735.000 liều)

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 26/12/2021)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1 | Hà Nội | 6.200.000 | 778.075 | 98,6% | 93,6% | 1,0% | 86,7% | 44,0% |
| 2 | Hải Phòng | 1.580.000 | 184.643 | 100,0% | 100,0% | 0,1% | 80,0% | 13,6% |
| 3 | Thái Bình | 1.245.000 | 150.000 | 91,6% | 74,9% | 2,6% | 96,0% | 51,4% |
| 4 | Nam Định | 1.272.614 | 122.612 | 88,5% | 79,4% | 0,0% | 43,6% | 0,0% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 66.512 | 94,0% | 91,5% | 0,0% | 100,0% | 100,0% |
| 6 | Ninh Bình | 665.715 | 81.762 | 88,6% | 86,5% | 0,0% | 100,0% | 53,1% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.605.729 | 417.252 | 91,6% | 82,5% | 0,0% | 58,6% | 0,6% |
| 8 | Bắc Giang | 1.267.538 | 145.967 | 100,0% | 88,3% | 2,4% | 97,6% | 49,3% |
| 9 | Bắc Ninh | 985.257 | 128.062 | 100,0% | 100,0% | 0,1% | 88,4% | 60,7% |
| 10 | Phú Thọ | 1.029.489 | 150.531 | 93,5% | 82,7% | 0,0% | 82,5% | 3,0% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 810.197 | 126.825 | 96,8% | 85,6% | 0,0% | 44,4% | 0,2% |
| 12 | Hải Dương | 1.311.799 | 166.013 | 91,7% | 73,9% | 2,2% | 38,8% | 0,0% |
| 13 | Hung Yên | 992.340 | 106.324 | 83,7% | 77,0% | 0,1% | 99,1% | 71,0% |
| 14 | Thái Nguyên | 938.660 | 100.121 | 93,0% | 66,2% | 0,0% | 39,2% | 0,0% |
| 15 | Bắc Cạn | 222.390 | 26.584 | 92,5% | 72,4% | 0,0% | 73,0% | 7,6% |
| 16 | Quảng Ninh | 1.013.446 | 118.979 | 95,9% | 90,5% | 0,0% | 100,0% | 92,7% |
| 17 | Hoà Bình | 570.146 | 80.462 | 91,8% | 78,7% | 0,0% | 91,7% | 36,7% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 18 | Nghệ An | 1.960.668 | 316.527 | 98,3% | 90,0% | 6,4% | 88,8% | 2,6% |
| 19 | Hà Tĩnh | 892.702 | 122.133 | 88,9% | 74,2% | 7,1% | 90,1% | 23,7% |
| 20 | Lai Châu | 282.600 | 58.294 | 88,8% | 83,6% | 0,0% | 85,4% | 68,8% |
| 21 | Lạng Sơn | 558.242 | 72.812 | 87,0% | 84,6% | 0,3% | 89,6% | 83,7% |
| 22 | Tuyên Quang | 535.735 | 71.916 | 100,0% | 81,6% | 0,7% | 1,8% | 32,3% |
| 23 | Hà Giang | 503.846 | 105.690 | 93,4% | 80,4% | 0,4% | 75,3% | 22,0% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 46.352 | 86,7% | 74,8% | 1,9% | 89,9% | 74,6% |
| 25 | Yên Bái | 510.271 | 79.369 | 97,4% | 93,3% | 0,0% | 96,0% | 63,8% |
| 26 | Lào Cai | 476.939 | 87.148 | 100,0% | 85,6% | 0,0% | 26,3% | 60,6% |
| 27 | Sơn La | 792.702 | 149.636 | 95,5% | 62,2% | 1,3% | 44,7% | 2,8% |
| 28 | Điện Biên | 336.229 | 74.955 | 97,1% | 79,1% | 0,0% | 76,2% | 1,8% |
| Cộng miền Bắc | | 30.541.446 | 4.135.556 | 95,5% | 84,9% | 1,2% | 75,6% | 30,4% |
| 29 | Quảng Bình | 611.974 | 84.194 | 85,2% | 79,2% | 0,0% | 69,1% | 9,2% |
| 30 | Quảng Trị | 463.442 | 69.712 | 91,3% | 84,8% | 0,0% | 38,2% | 1,3% |
| 31 | TT- Huế | 779.911 | 93.101 | 98,6% | 91,2% | 0,1% | 100,0% | 33,0% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 100.000 | 96,9% | 93,8% | 0,0% | 99,9% | 96,2% |
| 33 | Quảng Nam | 1.095.712 | 127.769 | 93,2% | 85,2% | 0,0% | 69,9% | 0,1% |
| 34 | Quảng Ngãi | 883.502 | 134.241 | 93,2% | 83,5% | 0,0% | 52,8% | 0,4% |
| 35 | Bình Định | 1.110.818 | 153.866 | 92,4% | 77,2% | 0,0% | 44,2% | 0,0% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi |
|------------------------|------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 36 | Phú Yên | 616.333 | 86.632 | 99,4% | 89,9% | 0,0% | 89,5% | 5,7% |
| 37 | Khánh Hòa | 901.731 | 113.994 | 100,0% | 100,0% | 0,8% | 99,0% | 89,1% |
| 38 | Ninh Thuận | 428.346 | 62.771 | 100,0% | 89,6% | 1,9% | 91,9% | 75,8% |
| 39 | Bình Thuận | 865.494 | 114.389 | 100,0% | 87,2% | 0,0% | 35,4% | 16,9% |
| Cộng miền Trung | | 8.642.333 | 1.140.669 | 96,5% | 87,3% | 0,2% | 70,3% | 27,1% |
| 40 | Kon Tum | 372.446 | 65.900 | 85,6% | 74,9% | 0,0% | 72,6% | 3,9% |
| 41 | Gia Lai | 956.614 | 165.730 | 93,7% | 67,7% | 0,1% | 85,2% | 6,0% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.362.176 | 215.220 | 89,8% | 75,1% | 0,0% | 74,9% | 0,2% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 68.900 | 100,0% | 95,7% | 0,0% | 97,1% | 41,7% |
| Cộng Tây Nguyên | | 3.096.108 | 515.750 | 91,6% | 75,5% | 0,0% | 80,9% | 8,1% |
| 44 | TP. HCM | 7.208.800 | 742.368 | 100,0% | 90,1% | 4,3% | 91,0% | 83,5% |
| 45 | BR-VT | 891.244 | 117.755 | 100,0% | 96,4% | 0,0% | 92,0% | 40,0% |
| 46 | Đồng Nai | 2.384.309 | 295.738 | 100,0% | 96,9% | 0,5% | 59,3% | 41,4% |
| 47 | Tiền Giang | 1.300.609 | 158.825 | 100,0% | 95,4% | 0,9% | 100,0% | 88,4% |
| 48 | Long An | 1.361.733 | 167.662 | 100,0% | 100,0% | 0,0% | 97,7% | 72,1% |
| 49 | Lâm Đồng | 901.167 | 132.000 | 100,0% | 100,0% | 3,0% | 100,1% | 77,7% |
| 50 | Tây Ninh | 977.624 | 88.220 | 88,5% | 82,1% | 7,0% | 99,1% | 93,5% |
| 51 | Cần Thơ | 941.769 | 100.509 | 100,0% | 100,0% | 0,0% | 100,0% | 40,0% |
| 52 | Sóc Trăng | 861.361 | 110.630 | 100,0% | 90,0% | 0,0% | 98,8% | 70,9% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 53 | An Giang | 1.457.127 | 188.268 | 92,6% | 90,6% | 1,6% | 100,0% | 76,4% |
| 54 | Bến Tre | 980.652 | 104.446 | 100,0% | 95,0% | 9,1% | 100,0% | 81,2% |
| 55 | Trà Vinh | 734.794 | 87.422 | 100,0% | 78,5% | 0,0% | 97,7% | 90,0% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 87.313 | 99,6% | 95,4% | 6,5% | 100,0% | 98,7% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.181.264 | 155.495 | 100,0% | 98,2% | 1,0% | 91,7% | 66,3% |
| 58 | Bình Dương | 2.381.252 | 150.950 | 99,9% | 78,9% | 1,3% | 100,0% | 87,4% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 131.058 | 100,0% | 94,2% | 0,0% | 81,5% | 22,7% |
| 60 | Kiên Giang | 1.248.338 | 189.132 | 98,1% | 88,7% | 0,0% | 73,0% | 39,0% |
| 61 | Cà Mau | 857.571 | 142.451 | 88,6% | 96,5% | 0,0% | 79,4% | 78,4% |
| 62 | Bạc Liêu | 572.580 | 90.822 | 98,4% | 95,3% | 7,6% | 96,8% | 90,6% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.423 | 98,8% | 92,0% | 0,0% | 100,0% | 97,5% |
| Cộng miền Nam | | 28.305.977 | 3.311.487 | 100,0% | 92,1% | 2,4% | 91,3% | 70,9% |

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 26/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.623.000 cuộc gọi (ngày 26/12 đã tiếp nhận và xử lý hơn 11 nghìn cuộc gọi).

| | | | | | | | | | | |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|-------|-------|-------|
| 16/12 | 17/12 | 18/12 | 19/12 | 20/12 | 21/12 | 22/12 | 23/12 | 24/12 | 25/12 | 26/12 |
| 12848 | 13079 | 11491 | 10020 | 12718 | 12515 | 15779 | 13.999 | 13231 | 11819 | 11729 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 26/12 đã tiếp nhận gần 308 nghìn cuộc (*ngày 26/12 đã tiếp nhận 115 cuộc*). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 26/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (*từ 02/11- 26/12 không thực hiện gọi ra*).

| | | | | | | | | | | |
|--------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tiêu chí | 17/12 | 18/12 | 19/12 | 20/12 | 21/12 | 22/12 | 23/12 | 24/12 | 25/12 | 26/12 |
| Cuộc gọi đến | 132 | 153 | 134 | 125 | 164 | 161 | 132 | 154 | 110 | 115 |

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.509.717 (= ngàn so với 26/12, tăng 16.876 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 33,89% dân số, 48,75% số điện thoại thông minh.

3.2 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 146.335.051

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 136.922.889

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,57%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.142.286

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3.3 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 12.353.048 (tăng 45.918 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 45.918 người

Hà Nội 9.419; Đồng Nai 6.062; Thừa Thiên Huế 10.286; Bắc Giang 9.949; Quảng Bình 34.90; Cà Mau 1.049; Yên Bái 3.148; Sóc Trăng 822; Thái Nguyên 486; Đồng Tháp 303; An Giang 135; Bình Dương 175; Bắc Ninh 122; Bình Phước 280; Khánh Hòa 70; Vĩnh Phúc 58; Tây Ninh 17; Lào Cai 16; Đắk Nông 27; Bình Định 4

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.544.698 (tăng 22.494 người)

Quảng Ninh 2.103; Hải Dương 711; Bình Thuận 1; Bãi Cháy 37; TPHCM 2.447; Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 354; Bình Định 142; Yên Bái 494; Bệnh viện Quy Hòa 2; Lào Cai 27; Thái Nguyên 275; An Giang 9; Bắc Giang 6051; Bình Dương 111; Bình Phước 11; Cà Mau 400; Đắk Nông 17; Đồng Nai 821; Đồng Tháp 42; Hà Nội 1.532; Khánh Hòa 6; Quảng Bình 407; Thừa Thiên Huế 2.811; Tiền Giang 17; Vĩnh Phúc 35; TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 5; Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 65; Bệnh viện sản nhi TWG Long An 34; Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh 79; SOVICO 2.115; Bệnh viện đa khoa Hòa Bình 49; Bệnh viện Hồng Ngọc 1.226; Bệnh viện đa khoa Hà Đông 58

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

II. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 26/12/2021 đến 16h00 ngày 27/12/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.469 lượt người (nhập cảnh: 1.564, xuất cảnh: 1.905).

+ Tuyến VN-TQ: 1.015 lượt người (nhập cảnh: 349, xuất cảnh: 666).

+ Tuyến VN-Lào: 2.215 lượt người (nhập cảnh 1.095, xuất cảnh: 1.120).

+ Tuyến VN-CPC: 239 lượt người (nhập cảnh 120; xuất cảnh: 119).

- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 173 người trong đó:

+ Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 108 người (VN-TQ: 03, VN-Lào: 19, VN-CPC: 86).

+ Số người nhập cảnh trái phép: 65 người (VN-TQ: 17; VN-Lào: 0, VN-CPC: 48).

+ Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

III. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 26/12/2021 tới ngày 27/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.048 lượt người (nhập cảnh: 727 lượt người; xuất cảnh: 321 lượt người).

- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.796 lượt người (nhập cảnh: 1.055 lượt người; xuất cảnh: 741 lượt người).

IV. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 27/12, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 40 tin/bài tiếng Việt; 89 ảnh trong nước và quốc tế; 17 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch, nhất là với nguy cơ xuất hiện biến chủng mới Omicron; đẩy mạnh vaccine phòng bệnh cho toàn dân; cập nhật tình hình dịch bệnh, các quy định nới lỏng giãn cách, khôi phục kinh tế, nhất là nối lại giao thông liên tỉnh.; phản ánh nỗ lực của các địa phương trong công tác ứng phó dịch gia tăng; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; thực hiện tốt hướng dẫn của ngành y tế để phòng chống dịch bệnh COVID- 19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Australia ghi nhận ca tử vong đầu tiên do nhiễm biến thể Omicron, trong khi thêm nhiều nước ghi nhận các ca nhiễm biến thể này; Mỹ giám sát hàng chục du thuyền ghi nhận ca nhiễm COVID-19; Số trẻ nhiễm COVID-19 tăng nhanh tại nhiều nước như Mỹ, Italy,...; Australia cân nhắc thay đổi quy định cách ly đối với những người tiếp xúc bệnh nhân COVID-19...